

Số: 799/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 21 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 856/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ I, KV E, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 cùng công nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 cùng công nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Thanh thuận t ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 cùng công nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 cùng công nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 300.000 đồng mà ông bà đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004802 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Thanh N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND Thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND xã Triệu Phước (đăng ký kết hôn số: 09, ngày 27/02/2023);
- Lưu: dán; hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Vinh Phú**